TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**;

2/ Bà **Lê Ngọc Trầm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Mỹ C**, sinh năm: 1967 (có mặt); địa chỉ: Số nhà a, tổ b, ấp T, xã T, huyện HT, tỉnh TN.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1960 (vắng mặt);

và Bà **Mang Thị H**, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà b, tổ c, ấp T, xã T, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn – bà Nguyễn Mỹ C, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C trình bày:

Bà quen biết với bà Mang Thị H và ông Nguyễn Văn T do ở gần nhà với nhau, ông T và bà H là chủ hụi, bà C là hụi viên. Khi tham gia hụi của bà H và ông T, bà C có nhận danh sách hụi viên do bà H và ông T giao cho bà. Bà C khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả lại cho bà số tiền nợ hụi là 77.000.000 đồng gồm 04 danh sách hụi viên nhưng

nay bà xin rút lại yêu cầu đối với danh sách hụi viên mở ngày 18/7/2011(âm lịch) mệnh giá 500.000 đồng gồm 30 phần, và danh sách hụi viên mở ngày 06/01/2012 (âm lịch), mệnh giá 500.000 đồng gồm 32 phần, hiện bà chỉ yêu cầu giải quyết cho bà 02 danh sách hụi viên mà bà tham gia như sau:

1/ Hụi mệnh giá 500.000 đồng, ngày mở hụi 18/8/2011 (âm lịch) tức là ngày 15/9/2011 (dương lịch), gồm 32 hụi viên, ngày mãn hụi 18/6/2014 (âm lịch) tức là ngày 14/7/2014 (dương lịch), mở hụi 01 lần/tháng: Bà C tham gia 01 phần, bà đóng được 27 lần thành tiền vốn 8.640.000 đồng, trong danh sách hụi viên tên bà ở vị trí số thứ tự số 09.

2/ Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, ngày mở hụi 04/02/2012 (âm lịch) tức là ngày 25/02/2012 (dương lịch), gồm 22 hụi viên, ngày mãn hụi 04/10/2013 (âm lịch) tức là ngày 06/11/2013 (dương lịch), mở hụi 01 lần/tháng: Bà C tham gia 01 phần, bà đóng được 10 lần thành tiền gốc 35.000.000 đồng, trong danh sách hụi viên tên bà ở vị trí số thứ tự số 06.

Tổng cộng số tiền vốn hụi bà C đã đóng cho ông T và bà H là 43.640.000 đồng. Do bà H và ông T bị vỡ hụi vào khoảng đầu năm 2013 nên không thực hiện tiếp tục việc giao dịch góp hụi. Bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả số tiền nợ hụi là 77.000.000 đồng nhưng nay bà C xác định là bà yêu cầu ông T và bà H có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền nợ hụi vốn là 43.640.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

***** *Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tống đạt hợp lệ cho ông T, bà H phải đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện này nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do.*

* ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành***:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà C là hụi viên có góp hụi của ôngT, bà H, do ông T bà H bị vỡ hụi không thực hiện tiếp việc giao dịch góp hụi với bà C, nay bà C yêu cầu ông T bà H trả số tiền nợ hụi là 43.640.000 đồng, cho nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở. Vì vậy, ông T và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà C là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án*:*

Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nơi cư trú tại số b, tổ c, ấp T, xã T, huyện HT, tỉnh TN nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông T và bà H là bị đơn trong vụ án vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[**2**] Về nội dung vụ án*:*

Bà C với ông T và bà H có giao dịch góp hụi từ năm 2011, do vợ chồng ông T, bà H tổ chức. Đây là loại hụi có lãi, hưởng hoa hồng, vợ chồng ông T, bà H bị vỡ hụi vào khoảng đầu năm 2013, do ông T bà H vi phạm nghĩa vụ góp hụi với bà C nên các bên phát sinh tranh chấp. Đây là "tranh chấp hợp đồng góp hụi" được quy định tại Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Thấy rằng, trong quá trình điều tra thể hiện danh sách hụi viên do ông T, bà H là chủ hụi và những người hụi viên tham gia góp hụi của vợ chồng ông T, bà H cũng đều xác định ông T, bà H là chủ hụi và bà C là hụi viên có tham gia trong danh sách hụi viên mở ngày 18/8/2011 (âm lịch) tức là ngày 15/9/2011 (dương lịch), ngày mãn hụi 18/6/2014 (âm lịch) tức là ngày 14/7/2014 (dương lịch), gồm 32 hụi viên, hụi mệnh giá 500.000 đồng, bà Châu tham gia 01 phần và trong danh sách hụi viên mở ngày 04/02/2012 (âm lịch) tức là ngày 25/02/2012 (dương lịch), ngày mãn hụi 04/10/2013 (âm lịch) tức là ngày 06/11/2013 (dương lịch), gồm 22 hụi viên, hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, bà C tham gia 01 phần, cả 02 danh sách hụi viên này là có thật.

Bà C đóng tiền hụi cho ông T, bà H được 27 lần thành tiền gốc 8.640.000 đồng của danh sách hụi mở ngày 18/8/2011 (âm lịch) tức là ngày 15/9/2011 (dương lịch) và đóng được 10 lần thành tiền gốc 35.000.000 đồng của danh sách hụi mở ngày 04/02/2012 (âm lịch) tức là ngày 25/02/2012 (dương lịch). Vì vậy, bà C đã đóng tiền hụi gốc cho vợ chồng ông T, bà H tổng cộng là 43.640.000 đồng. Do đó, cần buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho bà C số tiền nợ hụi gốc 43.640.000 đồng, ghi nhận bà C không yêu cầu ông T và bà H trả tiền lãi.

Xét thấy bà C xin rút lại yêu cầu đối với danh sách hụi mở ngày 18/7/2011(âm lịch) mệnh giá 500.000 đồng gồm 30 phần và danh sách hụi mở ngày 06/01/2012 (âm lịch), mệnh giá 500.000 đồng gồm 32 phần là phù hợp nên ghi nhận.

[**3**] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[**4**] Ông T, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ C về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Mỹ C số tiền hụi gốc là 43.640.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), ghi nhận bà C không yêu cầu ông T bà H trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T và bà H còn phải trả cho bà C số tiền lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H phải chịu 2.182.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Mỹ C số tiền 1.925.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005000 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho bà C biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG MỸ HUYỀN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).